TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HN-ST
Ngày: 17 - 7 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Điền.
2. Ông Thạch Thanh Long.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST- HN, ngày 10 tháng 5 năm 2024. Về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST - HN ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Thạch Sa M, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Bà với ông Thạch Sa M do tìm hiểu quen biết nhau và được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân năm 1988, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới không có.

Thời gian đầu vợ chồng bà sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn do ông Sa M thường xuyên nhậu nhẹt say sỉn, không lo làm ăn và có người phụ nữ khác bên ngoài, vì thương con bà cố gắng chịu đựng nhưng ông Sa M không sửa đổi mà vẫn tánh nào tật nấy, vì thế mà tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt và đã không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà yêu

cầu Tòa án công nhận bà với ông Thạch Sa M không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Tên Thạch Sa T, sinh năm 1988 và Thạch Sa M1, sinh năm 1994 đã trưởng thành có gia đình riêng, bà N không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả:* Bà N khai không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thạch Sa M trình bày: Ông với bà N do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân năm 1988, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới không có. Sau khi cưới vợ chồng ông sống với nhau hạnh phúc được khoảng đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, từ đó mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân nhau cho đến nay. Nay về quan hệ hôn nhân ông đồng ý theo yêu cầu của bà N, yêu cầu Tòa án công nhận ông với bà N không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Tên Thạch Sa T, sinh năm 1988 và Thạch Sa M1, sinh năm 1994 đã trưởng thành có gia đình riêng, ông Sa M không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả:* Ông Sa M khai không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thanh N là nguyên đơn, ông Thạch Sa M là bị đơn; tất cả vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Sa M đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân năm 1988, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự tình tiết các bên đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*" và "*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...*". Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định : "*Trường hợp nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ...".* Từ sự phân

tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa bà N với ông Sa M là không hợp pháp. Nay bà N và ông Sa M yêu cầu Tòa án công nhận bà N và ông Sa M không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà N và ông Sa M đều thừa nhận Thạch Sa T, sinh năm 1988 và Thạch Sa M1, sinh năm 1994 là con chung của vợ chồng. Thạch Sa T và Thạch Sa M1 đã trưởng Thành, bà N và ông Sa M không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà N và ông Sa M xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Ông Sa M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thanh N với ông Thạch Sa M là vợ chồng.

- Về con chung: Tên Thạch Sa T, sinh năm 1988 và Thạch Sa M1, sinh năm 1994 đã trưởng thành; bà N và ông Sa M không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Thạch Sa M không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh N có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003269 nộp ngày 07 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, do đó bà N không phải nộp.

Ông Thạch Sa M không phải chịu án phí.

"Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 , 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh